**VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY**

**UNIVERSITY OF LANGUAGES AND INTERNATIONAL STUDIES**

🙠🕮🙢

**TẠ THỊ THU HẰNG**

**THE IMAGES OF MOTHER IN ENGLISH AND VIETNAMESE SONG LYRICS – A STUDY BASED ON SYSTEMIC FUNCTIONAL LINGUISTICS APPROACH**

HÌNH ẢNH NGƯỜI MẸ TRONG LỜI CÁC BÀI HÁT

TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT – MỘT NGHIÊN CỨU

DỰA TRÊN CÁCH TIẾP CẬN NGÔN NGỮ CHỨC NĂNG HỆ THỐNG

Major: English Linguistics

Code: 9220201.01

Supervisor: Prof. Hoàng Văn Vân

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ**

**HANOI – 2021**

Mục lục

[CHƯƠNG 1 4](#_Toc90544506)

[DẪN NHẬP 4](#_Toc90544507)

[1.1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI 4](#_Toc90544508)

[1.2. MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU 4](#_Toc90544509)

[1.3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU 4](#_Toc90544510)

[1.4. ĐÓNG GÓP CỦA ĐỀ TÀI 4](#_Toc90544511)

[1.5. CẤU TRÚC LUẬN ÁN 5](#_Toc90544512)

[CHƯƠNG 2 5](#_Toc90544513)

[TỔNG QUAN LÍ THUYẾT 5](#_Toc90544514)

[2.1. TỔNG QUAN VỀ NGÔN NGỮ CHỨC NĂNG HỆ THỐNG 5](#_Toc90544515)

[2.1.1. Giới thiệu 5](#_Toc90544516)

[2.1.2. Cấp độ của ngôn cảnh và mối quan hệ với ngôn ngữ 6](#_Toc90544517)

[2.1.3. Cấp độ ngôn ngữ 6](#_Toc90544518)

[2.1.4. Cú đơn là đơn vị phân tích 7](#_Toc90544519)

[2.1.5. Siêu chức năng 7](#_Toc90544520)

[2.1.6. Lý do chọn lí thuyết ngôn ngữ chức năng hệ thống làm khung lí thuyết 7](#_Toc90544521)

[2.2. KHÁI NIỆM HỆ THỐNG CHUYỂN TÁC TRONG TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT 7](#_Toc90544522)

[2.2.1. Các kiểu quá trình 7](#_Toc90544523)

[2.2.2. Các yếu tố chu cảnh 7](#_Toc90544524)

[2.3. KHÁI NIỆM VỀ HỆ THỐNG THỨC TRONG TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT 8](#_Toc90544525)

[2.3.1. Các kiểu thức 8](#_Toc90544526)

[2.4. HÌNH ẢNH NGƯỜI MẸ 8](#_Toc90544527)

[2.5. LỜI TRONG CÁC BÀI HÁT 8](#_Toc90544528)

[2.6. NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN 8](#_Toc90544529)

[2.7. TIỂU KẾT 8](#_Toc90544530)

[CHƯƠNG 3 8](#_Toc90544531)

[PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU 8](#_Toc90544532)

[3.1. ĐƯỜNG HƯỚNG TIẾP CẬN NGHIÊN CỨU 8](#_Toc90544533)

[3.2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU 9](#_Toc90544534)

[3.3. THU THẬP DỮ LIỆU 9](#_Toc90544535)

[3.4. PHÂN TÍCH DỮ LIỆU 9](#_Toc90544536)

[3.4.1. Phân tích dữ liệu cơ sở 9](#_Toc90544537)

[3.4.2. Các bước phân tích dữ liệu 9](#_Toc90544538)

[3.5. GIẢI THÍCH CÁC KÍ HIỆU 10](#_Toc90544539)

[3.6. TIỂU KẾT 10](#_Toc90544540)

[CHƯƠNG 4 10](#_Toc90544541)

[NGUỒN LỰC CHUYỂN TÁC VÀ THỨC ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG LỜI CÁC BÀI HÁT TIẾNG ANH VỀ MẸ TRONG THỜI CHIẾN 10](#_Toc90544542)

[4.1. NGUỒN LỰC CHUYỂN TÁC ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG LỜI CÁC BÀI HÁT TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT VỀ MẸ TRONG THỜI CHIẾN 10](#_Toc90544543)

[4.1.1. Chuyển tác trong lời các bài hát tiếng Anh về mẹ trong thời chiến 10](#_Toc90544544)

[4.1.2. Nguồn lực chuyển tác trong lời các bài hát tiếng Việt về mẹ trong thời chiến 11](#_Toc90544545)

[4.2. NGUỒN LỰC THỨC VÀ TÌNH THÁI TRONG LỜI CÁC BÀI HÁT TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT VỀ MẸ TRONG THỜI CHIẾN 11](#_Toc90544546)

[4.2.1. Nguồn lực thức và tình thái trong lời các bài hát tiếng Việt về mẹ trong thời chiến 11](#_Toc90544547)

[4.2.2. Nguồn lực thức và tình thái được thể hiện trong lời các bài hát tiếng Việt về mẹ trong thời chiến 12](#_Toc90544548)

[4.3. TIỂU KẾT 12](#_Toc90544549)

[CHAPTER 5 13](#_Toc90544550)

[NGUỒN LỰC CHUYỂN TÁC VÀ THỨC ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG LỜI CÁC BÀI HÁT TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT VỀ MẸ TRONG THỜI BÌNH 13](#_Toc90544551)

[5.1. NGUỒN LỰC CHUYỂN TÁC ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG LỜI CÁC BÀI HÁT TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT VỀ MẸ TRONG THỜI BÌNH 13](#_Toc90544552)

[5.1.1. Nguồn lực chuyển tác được sử dụng trong lời các bài hát tiếng Anh về mẹ trong thời bình 13](#_Toc90544553)

[5.1.2. Nguồn lực chuyển tác trong các ca khúc tiếng Việt về mẹ trong thời bình 13](#_Toc90544554)

[5.2. THỨC VÀ TÌNH THÁI TRONG LỜI CÁC BÀI HÁT TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT VỀ MẸ TRONG THỜI BÌNH 14](#_Toc90544555)

[5.2.1. Thức và tình thái trong lời các bài hát tiếng Anh về mẹ trong thời bình 14](#_Toc90544556)

[5.2.2. Thức và tình thái trong lời các bài hát tiếng Việt về mẹ 14](#_Toc90544557)

[5.3. TIỂU KẾT 15](#_Toc90544558)

[CHƯƠNG 6 15](#_Toc90544559)

[SỰ GIỐNG VÀ KHÁC NHAU TRONG NGUỒN LỰC CHUYỂN TÁC VÀ THỨC ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG LỜI CÁC BÀI HÁT TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT VỀ MẸ TRONG THỜI CHIẾN VÀ THỜI BÌNH 15](#_Toc90544560)

[6.1. SỰ GIỐNG VÀ KHÁC NHAU TRONG NGUỒN LỰC CHUYỂN TÁC VÀ THỨC ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG LỜI CÁC BÀI HÁT TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT VỀ MẸ TRONG THỜI CHIẾN 15](#_Toc90544561)

[6.1.1. Sự giống và khác nhau trong nguồn lực chuyển tác được sử dụng trong lời bài hát tiếng Anh và tiếng Việt về mẹ trong thời chiến 15](#_Toc90544562)

[6.1.2. Sự giống và khác nhau trong nguồn lực thức được sử dụng trong lời các bài hát tiếng Anh và tiếng Việt về mẹ trong thời chiến 16](#_Toc90544563)

[6.2. SỰ GIỐNG VÀ KHÁC NHAU TRONG NGUỒN LỰC CHUYỂN TÁC VÀ THỨC ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG LỜI CÁC BÀI HÁT TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT VỀ MẸ TRONG THỜI BÌNH 16](#_Toc90544564)

[6.2.1. Sự giống và khác nhau trong nguồn lực chuyển tác được sử dụng trong lời các bài hát tiếng Anh và tiếng Việt về mẹ trong thời bình 16](#_Toc90544565)

[6.2.2. Sự giống và khác nhau trong nguồn lực thức được sử dụng trong lời các bài hát tiếng Anh và tiếng Việt về mẹ trong thời bình 17](#_Toc90544566)

[6.3. TIỂU KẾT 17](#_Toc90544567)

[CHƯƠNG 7 17](#_Toc90544568)

[NGUỒN LỰC CHUYỂN TÁC VÀ THỨC ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG LỜI CÁC BÀI HÁT VỀ MẸ TRONG THỜI CHIẾN VÀ THỜI BÌNH 17](#_Toc90544569)

[7.1. SỰ GIỐNG VÀ KHÁC NHAU TRONG NGUỒN LỰC CHUYỂN TÁC VÀ THỨC ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG LỜI CÁC BÀI HÁT TIẾNG ANH VỀ MẸ TRONG THỜI CHIẾN VÀ THỜI BÌNH 17](#_Toc90544570)

[7.1.1. Sự giống và khác nhau trong nguồn lực chuyển tác và thức được sử dụng trong lời bài tiếng Anh về mẹ trong thời chiến và thời bình 17](#_Toc90544571)

[7.1.2. Sự khác nhau giữa nguồn lực chuyển tác và thức trong các ca khúc tiếng Anh về mẹ trong thời chiến và thời bình 17](#_Toc90544572)

[7.2. SỰ GIỐNG VÀ KHÁC NHAU TRONG NGUỒN LỰC CHUYỂN TÁC VÀ THỨC ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG LỜI CÁC BÀI HÁT TIẾNG VIỆT VỀ MẸ TRONG THỜI CHIẾN VÀ THỜI BÌNH 18](#_Toc90544573)

[7.2.1. . Sự giống và khác nhau trong nguồn lực chuyển tác và thức được sử dụng trong lời bài tiếng Việt về mẹ trong thời chiến và thời bình 18](#_Toc90544574)

[7.2.2. Sự khác nhau giữa nguồn lực chuyển tác và thức trong các ca khúc tiếng Việt về mẹ trong thời chiến và thời bình 18](#_Toc90544575)

[7.3. TIỂU KẾT 18](#_Toc90544576)

[CHƯƠNG 8 19](#_Toc90544577)

[THẢO LUẬN 19](#_Toc90544578)

[8.1. HÌNH ẢNH NGƯỜI MẸ TRONG LỜI CÁC BÀI HÁT TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT VỀ MẸ TRONG THỜI CHIẾN 19](#_Toc90544579)

[8.2. THE IMAGES OF MOTHER IN ENGLISH AND VIETNAMESE PEACE MOTHER SONG LYRICS 19](#_Toc90544580)

[8.3. TIỂU KẾT 19](#_Toc90544581)

[CHƯƠNG 9 20](#_Toc90544582)

[KẾT LUẬN 20](#_Toc90544583)

[9.1. TÓM TẮT 20](#_Toc90544584)

[9.1.1. Nguồn lực thuộc về nghĩa kinh nghiệm và liên nhân để minh họa hình ảnh người mẹ trong lời các bài hát tiếng Anh và tiếng Việt về mẹ trong thời chiến 20](#_Toc90544585)

[9.1.2. Nguồn lực thuộc về nghĩa kinh nghiệm và liên nhân để minh họa hình ảnh người mẹ trong lời các bài hát tiếng Anh và tiếng Việt về mẹ trong thời bình 20](#_Toc90544586)

[9.2. HẠN CHẾ CỦA NGHIÊN CỨU 20](#_Toc90544587)

[9.3. ĐỀ XUẤT VÀ NGHIÊN CỨU TRONG TƯƠNG LAI 21](#_Toc90544588)

[TÀI LIỆU THAM KHẢO 21](#_Toc90544589)

CHƯƠNG 1

DẪN NHẬP

## 1.1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Michael Halliday được truyền cảm hứng bởi người thầy của mình là J.R.Firth đã phát triển ngôn ngữ học chức năng hệ thống vào những năm 1960. Điểm khác biệt chính giữa ngôn ngữ học chức năng hệ thống so với các mô hình khác đó là ngôn ngữ chức năng hệ thống coi ngôn ngữ là hệ thống ngữ nghĩa trong khi các mô hình khác xem xét ngôn ngữ như là một tập hợp các quy tắc. Một số lượng lớn các diễn ngôn, văn bản, bài phát biểu hay các tác phẩm văn học được phân tích dựa vào khung lí thuyết ngôn ngữ chức năng hệ thống. Các bài hát là một trong những kiểu dữ liệu được thảo luận khá nhiều trong các nghiên cứu. Cho đến nay chưa có nghiên cứu nào về lời trong các bài hát về mẹ dưới ánh sáng của ngôn ngữ chức năng hệ thống. Những lí do trên tạo động lực cho tác giả tiến hành nghiên cứu đề tài *“Hình ảnh của người mẹ trong lời các bài hát tiếng Anh và tiếng Việt – Một nghiên cứu dựa trên cách tiếp cận ngôn ngữ chức năng hệ thống”.* Nghiên cứu sử dụng lí thuyết ngôn ngữ chức năng hệ thống của Halliday làm khung lí thuyết để từ đó khám phá hình ảnh người mẹ được kiến tạo thông qua nghĩa kinh nghiệm và nghĩa liên nhân trong lời các bài hát tiếng Anh và tiếng Việt.

## 1.2. MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

Để hoàn thiện mục tiêu và mục đích nghiên cứu câu hỏi sau đây cùng với hai câu hỏi phụ được đặt ra:

1. Những hình ảnh nào về người mẹ được xây dựng trong lời các bài hát tiếng Anh và tiếng Việt về mẹ và những hình ảnh đó được kiến tạo như thế nào?

1.1. Những nguồn lực thuộc nghĩa kinh nghiệm và liên nhân nào được sử dụng trong lời các bài hát về mẹ và những nguồn lực đó được sử dụng như thế nào?

1.2. Sự giống và khác nhau trong nghĩa kinh nghiệm và nghĩa liên nhân trong lời các bài hát về mẹ trong tiếng Anh và tiếng Việt là gì?

Do mục tiêu và mục đích đặt ra, nghiên cứu bao quát hai nét nghĩa, nghĩa kinh nghiệm và nghĩa liên nhân trong lời các bài hát về mẹ trong chiến tranh và hòa bình. Do phạm vi nghiên cứu của đề tài, 50 bài hát về mẹ trong tiếng Anh và tiếng Việt được chọn lựa. Việc chọn lựa các bài hát trong tiếng Anh và tiếng Việt dựa trên chủ đề. Cụ thể, các bài hát về mẹ trong thời chiến được gọi là “war mother songs”, các bài hát về mẹ trong thời bình được gọi là “peace mother songs”.

## 1.3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đây là một nghiên cứu so sánh lời trong các bài hát tiếng Anh và tiếng Việt, do đó, phương pháp so sánh được sử dụng như phương pháp chính trong nghiên cứu. Ngoài ra, phương pháp hỗn hợp (kết hợp giữa định lượng và định tính) cùng phương pháp miêu tả cũng được sử dụng.

## 1.4. ĐÓNG GÓP CỦA ĐỀ TÀI

Với những kết quả đạt được, luận án mong muốn được đóng góp vào việc nghiên cứu một số nét nghĩa trong lời các bài hát tiếng Anh và tiếng Việt thông qua lí thuyết ngôn ngữ chức năng hệ thống. Hơn thế nữa, chưa có một nghiên cứu nào về những hình ảnh về mẹ dưới ánh sáng của ngôn ngữ chức năng hệ thống, do đó, nghiên cứu sử dụng khung lí thuyết ngôn ngữ chức năng hệ thống này sẽ là một đóng góp nhỏ trong việc so sánh và khám phá một số nét nghĩa trong loại văn bản mà còn nhận được ít sự quan tâm – lời các bài hát.

## 1.5. CẤU TRÚC LUẬN ÁN

Luận án được trình bày như sau:

**Chương 1 – DẪN NHẬP** – trình bày tổng quan về nghiên cứu. Trong phần này, lí do chọn đề tài, mục đích, phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và cấu trúc luận án được trình bày.

**Chương 2 – TỔNG QUAN LÍ THUYẾT** – điểm khung lí thuyết được sử dụng trong luận án.

**Chương 3 – PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU** – bàn về các phương pháp được sử dụng trong luận án.

**Chương 4 – NGUỒN LỰC CHUYỂN TÁC VÀ THỨC ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG LỜI CÁC BÀI HÁT VỀ MẸ TRONG THỜI CHIẾN –** trình bày các kết quả liên quan tới kiểu quá trình, thức trong lời các bài hát về mẹ trong thời chiến.

**Chương 5 – NGUỒN LỰC CHUYỂN TÁC VÀ THỨC ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG LỜI CÁC BÀI HÁT VỀ MẸ TRONG THỜI BÌNH –** trình bày các kết quả liên quan tới kiểu quá trình, thức trong lời các bài hát về mẹ trong thời bình.

**Chương 6 – SỰ GIỐNG VÀ KHÁC NHAU TRONG NGUỒN LỰC CHUYỂN TÁC VÀ THỨC ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG LỜI CÁC BÀI HÁT VỀ MẸ TRONG THỜI CHIẾN VÀ THỜI BÌNH -** trình bày sự giống và khác nhau về nguồn lực chuyển tác và thức được sử dụng trong lời các bài hát tiếng Anh và tiếng Việt.

**Chương 7 – NGUỒN LỰC CHUYỂN TÁC VÀ THỨC ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG LỜI CÁC BÀI HÁT THỜI CHIẾN VÀ THỜI BÌNH -** thể hiện sự giống và khác nhau trong nguồn lực chuyển tác và thức được sử dụng trong lời các bài hát thời chiến và thời bình.

**Chương 8 – THẢO LUẬN –** xoay quanh ba câu hỏi được đặt ra trong phần câu hỏi nghiên cứu. Nói cách khác, trong phần này hình ảnh người mẹ trong lời các bài hát tiếng Anh và tiếng Việt được hé lộ.

**Chương 9 – KẾT LUẬN –** tóm tắt các ý chính được trình bày trong các chương trước, đề xuất áp dụng trong giảng dạy và gợi ý cho các nghiên cứu sau.

# CHƯƠNG 2

# TỔNG QUAN LÍ THUYẾT

## 2.1. TỔNG QUAN VỀ NGÔN NGỮ CHỨC NĂNG HỆ THỐNG

## 2.1.1. Giới thiệu

Khung lí thuyết được sử dụng trong đề tài là ngôn ngữ chức năng hệ thống (sau đây viết tắt là SFL). Ngôn ngữ chức năng hệ thống là mô hình xem xét ngôn ngữ trong ngôn cảnh. Chúng tôi sẽ bắt đầu khảo sát những tầng bậc khác nhau của ngôn cảnh và mối quan hệ giữa ngôn cảnh và ngôn ngữ. Sau đó chúng tôi sẽ kết thúc bằng việc thảo luận về đa chức năng của ngôn ngữ và hai nét nghĩa cùng hệ thống ngữ pháp hiện thực hóa hai nét nghĩa này.

### 2.1.2. Cấp độ của ngôn cảnh và mối quan hệ với ngôn ngữ

Khi bàn về khái niệm ngôn cảnh, hai loại ngôn cảnh trong ngôn ngữ chức năng hệ thống là ngôn cảnh văn hóa và ngôn cảnh xã hội (Halliday và Matthiessen, 2004). Halliday và Matthiessen (2014) chỉ ra rằng ngôn cảnh văn hóa báo gồm hệ thống các tín hiệu đa dạng mà tất cả các thành viên trong cùng một cộng đồng có thể hiểu được. Trong khi khái niệm ngôn cảnh văn hóa khá trừu tượng, thì khái niệm ngôn cảnh tình huống (trường) lại có thể được hiểu một cách cụ thể thông qua ba khái niệm phụ: trường, không khí và thức (Hasan, 1973; Halliday, 1978; Martin, 1992; Eggins, 1994; Halliday & Mathiessen, 2014). Ba yếu tố trên cũng là khung được thiết lập để miêu tả tình huống của một văn bản (Halliday & Hasan, 1985).

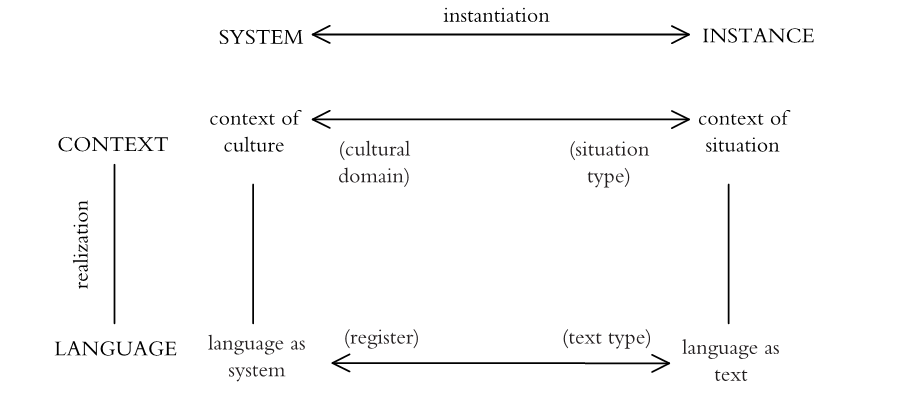
- Trường tương đương với câu hỏi *“Chuyện gì đang diễn ra trong tình huống này”* hay miêu tả thực tế bên ngoài.

- Thức trả lời câu hỏi *“Ai đang tham gia trong cuộc nói chuyện?”* hay chính là thiết lập mối quan hệ giữa những người tham gia trong cuộc trò chuyện.

- Thức giải quyết câu hỏi *“Vai trò của ngôn ngữ là gì”,* hay nói một cách khác, thức thể hiện loại hình giao tiếp đang diễn ra.

**Hình 2.1**

*Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và ngôn cảnh xã hội (Halliday, 1999: 8)*



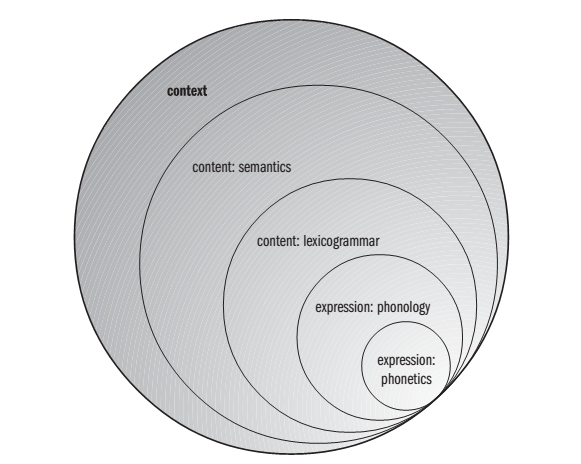
Hai kiểu quan hệ được thể hiện trong hình là cấu trúc hóa và hiện thực hóa. Mối quan hệ giữa ngôn cảnh văn hóa – ngôn cảnh tình huống, ngôn ngữ là hệ thống – ngôn ngữ là văn bản là mối quan hệ cấu trúc hóa. Mối quan hệ giữa ngôn cảnh văn hóa – ngôn ngữ là hệ thống, ngôn cảnh tình huống – ngôn ngữ là văn bản là mối quan hệ hiện thực hóa.

### 2.1.3. Cấp độ ngôn ngữ

Halliday và Matthiessen (2014) đã minh họa một mô hình để giải thích các cấp độ khác nhau của ngôn ngữ cũng như mối quan hệ giữa các cấp độ.

**Hình 2.2**

*Các tầng bậc (Halliday & Matthiessen, 2014: 26)*



Ngôn ngữ là một nguồn lực có hệ thống được tổ chức theo ba cấp độ hay ba tầng. Mỗi cấp độ liên quan tới cấp độ khác bằng phương thức hiện thực hóa.

* Ngữ nghĩa là nguồn lực tạo nghĩa được hiện thực hóa qua từ vựng ngữ pháp và liên hệ với cấp độ cao là ngôn cảnh. Từ vựng ngữ pháp là nguồn lực tạo lời được hiện thực hóa thông qua ngữ âm và liên hệ với cấp độ cao là ngữ nghĩa. Ngữ âm là nguồn lực tạo âm và liên hệ với cấp độ trên là từ vựng ngữ pháp.

### 2.1.4. Cú đơn là đơn vị phân tích

Có một số lí do giải thích tại sao cú đơn được chọn là đơn vị phân tích trong luận án. Trước tiên, cú đơn được coi là đơn vị cao nhất trong hệ thống ngữ pháp. Thứ hai cú đơn chỉ ra rõ nét ranh giới cấu trúc liên quan tới siêu chức năng. Thứ ba, trong cú chứa cả ba nét nghĩa của siêu chức năng vì vậy cú được coi là công cụ hiệu quả để phân tích văn bản.

### 2.1.5. Siêu chức năng

Ba chức năng chính được đề cập: siêu chức năng kinh nghiệm, siêu chức năng liên nhân và siêu chức năng ngôn bản. Trước tiên, ngôn ngữ tái tạo các trải nghiệm bên ngoài và bên trong và chúng ta gọi là siêu chức năng kinh nghiệm. Trong quá trình ấy, ngôn ngữ cũng thiết lập các mối quan hệ cá nhân và xã hội. Đó là chức năng liên nhân. Tái tạo quá trình trải nghiệm và thiết lập các mối quan hệ thành công hay không phụ thuộc vào tính liên tục và kết nối trong văn bản. Hay nói cách khác, người nói và người viết quyết định trình tự diễn ngôn. Chúng ta gọi đó là chức năng ngôn bản (Halliday & Matthiessen, 2014).

### 2.1.6. Lý do chọn lí thuyết ngôn ngữ chức năng hệ thống làm khung lí thuyết

Có rất nhiều mô hình chức năng ngôn ngữ được áp dụng để phân tích ngôn bản. Tuy nhiên, ngôn ngữ chức năng hệ thống đã được chọn làm khung lí thuyết cho luận án này vì một số lí do. Trước tiên, ngôn ngữ chức năng hệ thống là một mô hình toàn diện và ứng dụng rộng rãi của ngôn ngữ chức năng hệ thống với các chuyên ngành khác nhau đã được thảo luận bởi nhiều học giả. Thứ hai, những đặc điểm riêng biệt của ngôn ngữ chức năng hệ thống so với những mô hình khác đã thúc đẩy chúng tôi làm nghiên cứu này.

## 2.2. KHÁI NIỆM HỆ THỐNG CHUYỂN TÁC TRONG TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT

### 2.2.1. Các kiểu quá trình

Quá trình **vật chất** là quá trình hành động có cấu trúc chung: **Hành thể + Quá trình + Các tham thể khác**.

Quá trình **tinh thần** là lựa chọn chính thứ hai. Đây là quá trình cảm nhận. Cấu trúc chung của quá trình tinh thần là **Cảm thể + Quá trình + Hiện tượng**.

Lựa chọn chính cuối cùng là quá trình **quan hệ**, quá trình là, có ở. Ba quá trình phụ xuất hiện là kết quả của sự giao cắt không rõ ràng giữa ba quá trình chính: quá trình **hành vi**, quá trình **phát ngôn** và quá trình **tồn tại**.

### 2.2.2. Các yếu tố chu cảnh

Một tham thể khác đi cùng với quá trình nhưng không bắt buộc là chu cảnh. Về cơ bản, sự phân loại các yếu tố chu cảnh trong tiếng Anh và tiếng Việt là như nhau. Halliday và Matthiessen (2014) xét 9 loại chu cảnh

(phạm vi, định vị, phong cách, nguyên nhân, ngẫu nhiên, đồng hành, vai diễn, vấn đề, quan điểm) trong khi Hoang (2012) nhóm thành 8 nhóm. Mặc dù số lượng kiểu chu cảnh và tên có chút khác nhau, tuy nhiên bản chất của các chu cảnh vẫn như nhau. Chúng tôi sẽ áp dụng cách phân loại của Halliday và Matthiessen (2014) trong luận án này.

## 2.3. KHÁI NIỆM VỀ HỆ THỐNG THỨC TRONG TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT

### 2.3.1. Các kiểu thức

Hệ thống ngữ pháp hiện thực hóa chức năng liên nhân là hệ thống THỨC. Phạm trù ngữ pháp được sử dụng để trao đổi thông tin là thức chỉ định. Thức chỉ định được chia làm hai loại: thức tuyên bố và thức nghi vấn. Một phạm trù ngữ pháp nữa là thức mệnh lệnh (Halliday & Matthiessen, 2014).

### 2.3.2. Các kiểu tình thái

Phân cực là sự lựa chọn giữa khẳng đinh và phủ định. Giữa khẳng định và phủ định còn có một cấp độ trung gian là tình thái. Tình thái được chia làm hai loại: tình thái hóa và biến thái. Hai kiểu trong tình thái hóa bao gồm: (i) các cấp độ khả năng; (ii) các cấp độ thường xuyên. Biến thái được chia làm hai kiểu: (i) mức độ bổn phận; (ii) mức độ thiên hướng.

## 2.4. HÌNH ẢNH NGƯỜI MẸ

Hình ảnh người mẹ đã trở thành tâm điểm trong nhiều công trình, tác phẩm ở các lĩnh vực khác nhau như văn học, nghệ thuật hay âm nhạc. Trong quá trình khảo sát, tác giả nhận thấy rằng những hình ảnh người mẹ hầu hết được khái quát hóa trong cả các tác phẩm văn học tiếng Anh và tiếng Việt.

## 2.5. LỜI TRONG CÁC BÀI HÁT

Halliday và Hasan đã khái luận hóa văn bản là “bất cứ đoạn văn, ở hình thức nói hoặc viết, bất kể độ dài mà hình thành một chỉnh thể thống nhất” (được trích trong Hoàng, 2018, trang số 3). Nếu một ca khúc được hát, nó ở dạng nói. Nếu nó được đọc, nó dưới hình thức viết. Do đó, có thể kết luận rằng lời bài hát cũng là một thể loại văn bản.

## 2.6. NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN

Trên thế giới, ba nghiên cứu nổi bật liên quan đến để tài của tác giả. Nghiên cứu đầu tiên là *A comparative study of ideational meaning between the song lyrics written by the most popular American song writers in 1990 and Indonesian song writers in 2000s – A study based on SFL* bởi Ratih Wulan Sari (2009). Nghiên cứu thứ hai là *Interpersonal Meaning Analysis of Muse Song Lyrics in Black Holes & Relevation’s Album (A Study Based on Systemic Functional Linguistics)* bởi Rowiatun Amri Marhamah (2014). Nghiên cứu thứ ba là nghiên cứu của Tạ Thị Thu Hằng (2016) *Mother Image in English and Vietnamese Songs – a Literary Analysis Using Transitivity System in Systemic Functional Linguistics Perspective*. Nghiên cứu được thực hiện với nỗ lực tìm hiểu về hình ảnh người mẹ từ quan điểm ngôn ngữ chức năng hệ thống.

## 2.7. TIỂU KẾT

Chương này được coi là cần thiết đối với toàn bộ luận án vì chương này không chỉ cung cấp một bức tranh giàu thông tin về ngôn ngữ chức năng hệ thống (sự phát triển của ngôn ngữ chức năng hệ thống, các điểm chỉnh liên quan trực tiếp đến luận án) mà còn các thuật ngữ chính trong tiêu đề.

# CHƯƠNG 3

# PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

## 3.1. ĐƯỜNG HƯỚNG TIẾP CẬN NGHIÊN CỨU

Như đã đề cập từ trước, đây là một nghiên cứu so sánh, do đó, phương pháp chính cho nghiên cứu này là phương pháp so sánh. Trong nghiên cứu so sánh có thể bao gồm nghiên cứu định tính, nghiên cứu định lượng hoặc cả hai (nghiên cứu hỗn hợp). Dựa trên miêu tả Cresswell (2014), tác giả đã nhận thấy rằng cách tiếp cận phương pháp hỗn hợp đã được khảo sát bởi Cresswell (2014). Dựa trên miêu tả của Cresswell (2014), tác giả nhận thấy rằng đường hướng tiếp cận phương pháp hỗn hợp là thỏa mãn để hoàn thiện mục tiêu của đề tài và trả lời ba câu hỏi.

## 3.2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp định tính được sử dụng để đếm số quá trình, kiểu chu cảnh, thức và tình thái trong các mệnh đề trong lời bài hát. Từ kết quả đạt được, tác giả có thể đưa ra đánh giá về các lựa chọn chính về nguồn lực CHUYỂN TÁC (kiểu quá trình, tham thể và chu cảnh) và nguồn lực THỨC (kiểu thức và tình thái) được thể hiện bởi tác giả của các ca khúc trong việc mô tả hình ảnh của người mẹ bằng phương pháp định lượng. Nhà nghiên cứu cũng thể hiện sự giống và khác nhau trong nghĩa kinh nghiệm và nghĩa liên nhân. Do đó, phương pháp hỗn hợp là phù hợp với nghiên cứu. Cùng với đó, tác giả cũng sử dụng phân tích so sánh và miêu tả. Với nỗ lực tìm ra sự giống và khác nhau trong nghĩa kinh nghiệm và liên nhân trong các ca khúc tiếng Anh và tiếng Việt, phân tích so sánh được áp dụng.

## 3.3. THU THẬP DỮ LIỆU

Tiêu chí đầu tiên để chọn các ca khúc là đề tài. Dữ liệu được chọn là lời trong các bài hát tiếng Anh và tiếng Việt. Các ca khúc về mẹ không chỉ là các ca khúc có chứa từ “mẹ” trong tiêu đề mà là các ca khúc với nội dung về hình ảnh người mẹ. Xem xét các ca khúc chiến tranh và hòa bình, đó là các ca khúc về người mẹ trong thời chiến và thời bình. Dựa trên các tiêu chí được đặt ra, thu thập dữ liệu sẽ theo hai bước dưới đây:

**Bước 1:** Các ca khúc về mẹ được tìm trong các nguồn khác nhau.

**Bước 2:** Việc đọc sâu sẽ được thực hiện để tác giả quen với lời các ca khúc trước khi lựa chọn và phân loại.

**Bước 3:** Lời các ca khúc được lựa chọn và phân loại dựa trên đề tài.

## 3.4. PHÂN TÍCH DỮ LIỆU

### 3.4.1. Phân tích dữ liệu cơ sở

Để có thông tin cơ sở cho các phân tích chuyên sâu, dữ liệu bao gồm 50 ca khúc sẽ được tiến hành đếm số từ và sau đó được phân tích số cú đơn. Tổng 50 bài hát có 1234 cú đơn và 8975 từ.

***Trường, Thức và Không khí***

Xét về trường, 50 bài hát khắc họa hình ảnh người mẹ. Xét về không khí, hai loại giao tiếp được thiết lập: giao tiếp giữa tác giả bài hát và người nghe, và giao tiếp giữa người mẹ và đứa con trong ca khúc. Xét về thức, có hai dạng dạng nói và dạng viết.

### 3.4.2. Các bước phân tích dữ liệu

Việc phân tích nguồn lực CHUYỂN TÁC và THỨC trong các cú đơn trong các ca khúc về mẹ trong thời chiến và thời bình trong các ca khúc tiếng Anh và tiếng Việt theo các bước sau:

**Bước 1**: Dữ liệu ở dạng mệnh đề đơn từ lời bài hát của mẹ trong 50 bài hát bằng tiếng Anh và tiếng Việt được chọn lọc. Kỹ thuật lấy mẫu tổng thể được áp dụng trong bước này.

**Bước 2**: Các bài hát mẹ bằng tiếng Anh và tiếng Việt được phân tích để lấy thông tin cơ bản (số lượng mệnh đề).

**Bước 3**: Các bài hát về mẹ bằng tiếng Anh và tiếng Việt được phân tích về quá trình chuyển tác, thức và tình thái để khám phá ý nghĩa trải nghiệm và liên nhân.

**Bước 4**: Số lượng mệnh đề đơn, loại quá trình, thức và tình thái sẽ được đếm.

**Bước 5**: Kết quả được sử dụng để so sánh giữa lời bài hát bằng tiếng Anh và tiếng Việt.

**Bước 6**: Khi những điểm giống và khác nhau được thiết lập, hình ảnh người mẹ trong hai ngôn ngữ sẽ được khái quát. Đồng thời, những lý do có thể có của những điểm giống và khác nhau sẽ được thảo luận.

## 3.5. GIẢI THÍCH CÁC KÍ HIỆU

Trước tiên, mỗi mệnh đề sẽ được viết tắt như sau *EW1.2*, *EP1.2*, *VW1.2* hay *VW.2*...Hai chữ cái đầu thể hiện ngôn ngữ và thời kì của ca khúc (tiếng Anh hay tiếng Việt, thời chiến hay thời bình). Hai con số tiếp theo là thứ tự của bài hát và mệnh đề trong bài hát. Thứ hai, tên của các hệ thống sẽ được viết in hoa (MOOD – hệ thống THỨC, TRANSIVITY – hệ thống CHUYỂN TÁC). Thứ ba, tên của các chức năng sẽ được viết tắt nếu không đủ khoảng trống; ví dụ, **Subject (Subj)**, **Senser (Sen).** Các kí hiệu viết tắt sẽ xuất hiện trong **Phụ lục 1** ở những trang đầu của luận án.

## 3.6. TIỂU KẾT

Chương này đã cung cấp đầy đủ lý do cho cách tiếp cận nghiên cứu cũng như phương pháp nghiên cứu. Chương này giải thích lý do tại sao phương pháp so sánh là thích hợp nhất cho luận văn

# CHƯƠNG 4

# NGUỒN LỰC CHUYỂN TÁC VÀ THỨC ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG LỜI CÁC BÀI HÁT TIẾNG ANH VỀ MẸ TRONG THỜI CHIẾN

## 4.1. NGUỒN LỰC CHUYỂN TÁC ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG LỜI CÁC BÀI HÁT TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT VỀ MẸ TRONG THỜI CHIẾN

### 4.1.1. Chuyển tác trong lời các bài hát tiếng Anh về mẹ trong thời chiến

Số lượng và phần trăm các kiểu quá trình trong các ca khúc tiếng Anh về mẹ trong thời chiến được minh họa trong các bảng sau.

**Bảng 4.1**

*Số lượng các kiểu quá trình trong lời bài hát các ca khúc tiếng Anh về mẹ thời chiến*

**

Có thể quan sát thấy trong bảng 4.1, tổng số cú đơn trong các ca khúc tiếng Anh về mẹ trong thời chiến là 253. Trong số 253 cú đơn, quá trình vật chất chiếm tỉ lệ lớn nhất 40%. Các cú quan hệ xếp thứ hai và chiếm 21%. Các cú tinh thần cao thứ ba trong tổng số quá trình (19%). Tiếp đó, quá trình phát ngôn chiếm 11% trong khi quá trình hành vi và quá trình hành vi có cùng số phần trăm (5%).

Xét tới chu cảnh, chu cảnh định vị với hai kiểu phụ thời gian và không gian chiếm chủ yếu (64%) trong 11 ca khúc.

### **4.1.2. Nguồn lực chuyển tác trong lời các bài hát tiếng Việt về mẹ trong thời chiến**

Tần suất và số phần trăm các kiểu quá trình trong các bài hát tiếng Việt sẽ được minh họa trong bảng sau.

**Bảng 4.3**

*Số kiểu quá trình trong lời các bài hát tiếng Việt về mẹ trong thời chiến*

****

Bảng 4.3 cung cấp thông tin số phần trăm các kiểu quá trình trong 282 cú đơn trong 11 ca khúc tiếng Việt. Như được chỉ ra trong bảng, kiểu quá trình vật chất xếp thứ nhất 46%. Quá trình quan hệ chiếm 23% sau quá trình vật chất. Vị trí tiếp theo là quá trình tinh thần và quá trình hành vi, tương ứng 15% và 10%. Quá trình phát ngôn và tồn tại chiếm số phần trăm còn lại (3%).

## 4.2. NGUỒN LỰC THỨC VÀ TÌNH THÁI TRONG LỜI CÁC BÀI HÁT TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT VỀ MẸ TRONG THỜI CHIẾN

### 4.2.1. Nguồn lực thức và tình thái trong lời các bài hát tiếng Việt về mẹ trong thời chiến

#### **4.2.1.1. Các kiểu thức trong lời các bài hát tiếng Anh về mẹ trong thời chiến**

Số phần trăm của các kiểu thức được minh họa trong bảng 4.6.

**Bảng 4.6**

*Số lượng các kiểu thức trong lời các bài hát tiếng Anh về mẹ*



Bảng trên thể hiện rằng các cú tuyên bố chiếm số phần trăm lớn nhất (81%) trong tổng số cú của 11 ca khúc. Cú tuyên bố được thể hiện với cấu trúc *Chủ ngữ^Hữu định^Vị ngữ.*

**4.2.1.2. Tình thái trong lời các bài hát tiếng Anh về mẹ**

Số phần trăm của các kiểu thức được minh họa trong bảng 4.7.

**Table 4.7**

*Số lượng các kiểu tình thái trong lời các bài hát tiếng Anh về mẹ*

****

Bảng 4.7 chỉ ra rằng cả tình thái hóa và biến thái đều xuất hiện trong 11 bài hát. Tuy nhiên, không có tình thái hóa chỉ mức độ thường xuyên nào xuất hiện. Về biến thái, không có biến thái thể hiện thiên hướng.

### 4.2.2. Nguồn lực thức và tình thái được thể hiện trong lời các bài hát tiếng Việt về mẹ trong thời chiến

#### **4.2.2.1. Các kiểu thức trong lời các bài hát tiếng Việt về mẹ trong thời chiến**

Số phần trăm của các kiểu thức được minh họa trong bảng 4.7.

**Table 4.8**

*Số lượng các kiểu thức trong lời các bài hát tiếng Việt về mẹ*



#### **4.2.2.2. Tình thái trong lời các bài hát tiếng Việt về mẹ**

Số phần trăm của các kiểu tình thái được minh họa trong bảng 4.9.

**Bảng 4.9**

*Số lượng các kiểu tình thái trong lời các bài hát tiếng Việt về mẹ*

****

Số liệu trong bảng cho thấy rằng không có sự xuất hiện của tình chỉ sự thường xuyên và thiên hướng trong lời các bài hát tiếng Việt về mẹ trong thời chiến. Trong khi đó số lượng tình thái khả năng (5%) và bổn phận (2%) không đáng kể.

## 4.3. TIỂU KẾT

Chương này đã trình bày kể quả về nguồn lực Chuyển tác (các kiểu quá trình, các yếu tố chu cảnh) và nguồn lực Thức (các kiểu thức và tình thái) trong lời các bài hát tiếng Anh và tiếng Việt về mẹ trong thời chiến.

# CHAPTER 5

# NGUỒN LỰC CHUYỂN TÁC VÀ THỨC ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG LỜI CÁC BÀI HÁT TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT VỀ MẸ TRONG THỜI BÌNH

## 5.1. NGUỒN LỰC CHUYỂN TÁC ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG LỜI CÁC BÀI HÁT TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT VỀ MẸ TRONG THỜI BÌNH

## 5.1.1. Nguồn lực chuyển tác được sử dụng trong lời các bài hát tiếng Anh về mẹ trong thời bình

**Bảng 5.1**

*Số lượng các kiểu quá trình trong lời các bài hát tiếng Anh về mẹ trong thời bình* 

Việc phân tích các cú trong lời các bài hát chỉ ra rằng 6 kiểu quá trình đều được sử dụng trong lời các bài hát tiếng Anh về mẹ thời bình để khắc họa hình ảnh người mẹ. Bảng 5.1 chỉ ra rằng trong số 372 cú, quá trình vật chất có số lượng lớn nhất (124 cú tương đương với 33%). Xếp vị trí thứ hai là quá trình quan hệ với 111 cú (30%). Số lượng cao vị trí thứ 3 là quá trình tinh thần với 75 lần xuất hiện (20%). Tiếp sau quá trình tinh thần là quá trình phát ngôn với 34 cú (9%). Xếp ở vị trị thứ 5 là quá trình hành vi với 20 cú (5%). Ở vị trí cuối cùng là quá trình tồn tại với 8 lần xuất hiện (2%).

Ngoài ra khi đi khảo sát các kiểu chu cảnh cho thấy rằng, chu cảnh định vị xuất hiện nhiều nhất trong lời các bài hát tiếng Anh về mẹ trong thời bình (48%).

### 5.1.2. Nguồn lực chuyển tác trong các ca khúc tiếng Việt về mẹ trong thời bình

**Bảng 5.3**

*Các kiểu quá trình trong lời các bài hát về mẹ trong thời bình*

****

Có thể nhận thấy từ bảng trên, quá trình quan hệ chiếm số phần trăm cao nhất với 114 cú (35%). Xếp ở vị trí thứ hai là quá trình vật chất (105 cú, 32%). Quá trình tình thần ở vị trí thứ ba với 15%. Vị trí thứ tư là quá trình hành vi với 10% trong khi đó quá trình phát ngôn và tồn tại 10%.

Xét về các kiểu chu cảnh, chu cảnh định vị (31%) và chu cảnh phong cách (gần 31%) được dùng chủ yếu trong lời các bài hát.

## 5.2. THỨC VÀ TÌNH THÁI TRONG LỜI CÁC BÀI HÁT TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT VỀ MẸ TRONG THỜI BÌNH

## 5.2.1. Thức và tình thái trong lời các bài hát tiếng Anh về mẹ trong thời bình

#### **5.2.1.1. Các kiểu thức trong lời các bài hát tiếng Anh về mẹ trong thời bình**

**Bảng 5.6**

*Các kiểu thức trong lời các bài hát tiếng Anh về mẹ trong thời bình*



Cũng như các bài hát tiếng Anh về mẹ trong thời chiến, các cú tuyên bố tiếp tục đóng vai trò chủ yếu trong 14 bài hát với 372 cú chiếm 97% trong tổng số cú. Một số lượng nhỏ cú mệnh lệnh và nghi vấn được sử dụng trong các ca khúc (3%). Không có sự xuất hiện của cú cảm thán trong các bài hát.

#### **5.4.1.2. Tình thái trong lời các bài hát tiếng Anh về mẹ trong thời bình**

**Bảng 5.7**

*Số lượng tình thái trong lời các bài hát tiếng Anh về mẹ trong thời bình*



Có thể nhận thấy trong bảng số 7, không có sự xuất hiện của tình thái hóa và biến thái thể hiệ thiên hướng. Số lượng tình thái bổn phận là 4. Kết quả so sánh cho thấy tình thái khả năng cao hơn cả với 68 lần xuất hiện.

### 5.2.2. Thức và tình thái trong lời các bài hát tiếng Việt về mẹ

#### **5.2.2.1. Các kiểu thức trong lời các bài hát tiếng Việt về mẹ trong thời bình**

**Bảng 5.8**

*Số lượng thức trong lời các bài hát tiếng Việt về mẹ trong thời bình*



Có thể nhận thấy từ hai bảng trê, bốn kiểu thức đều được sử dụng trong lời các bài hát về mẹ trong tiếng Việt. Cú tuyên bố đóng vai trò chủ yếu với tỉ lệ tương đối cao 96%. Cú nghi vấn, mệnh lệnh và cảm thán chiếm thứ hai, thứ ba và thứ tư (lần lượt 2%, 2% và 1 %).

#### **5.4.2.2. Tình thái trong lời các bài hát tiếng Việt về mẹ trong thời bình**

**Bảng 5.9**

*Số lượng tình thái trong lời các bài hát tiếng Việt về mẹ trong thời bình*



Có thể quan sát từ bảng 5.9, số phần trăm của tình thái trong tiếng Việt là không đáng kể. Cụ thể, tình thái hóa thể hiện khả năng chiếm 1% và tình thái hóa thể hiện tần xuất là 2%.

## 5.3. TIỂU KẾT

Chương này đã trình bày kể quả về nguồn lực Chuyển tác (các kiểu quá trình, các yếu tố chu cảnh) và nguồn lực Thức (các kiểu thức và tình thái) trong lời các bài hát tiếng Anh và tiếng Việt về mẹ trong thời bình.

# CHƯƠNG 6

# SỰ GIỐNG VÀ KHÁC NHAU TRONG NGUỒN LỰC CHUYỂN TÁC VÀ THỨC ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG LỜI CÁC BÀI HÁT TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT VỀ MẸ TRONG THỜI CHIẾN VÀ THỜI BÌNH

# 6.1. SỰ GIỐNG VÀ KHÁC NHAU TRONG NGUỒN LỰC CHUYỂN TÁC VÀ THỨC ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG LỜI CÁC BÀI HÁT TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT VỀ MẸ TRONG THỜI CHIẾN

### 6.1.1. Sự giống và khác nhau trong nguồn lực chuyển tác được sử dụng trong lời bài hát tiếng Anh và tiếng Việt về mẹ trong thời chiến

Không khó để nhận thấy rằng cả 6 kiểu quá trình đều xuất hiện trong lời các bài hát của cả hai ngôn ngữ. Trong số các quá trình thì các cú vật chất chiếm số phần trăm cao nhất (40% trong lời các bài hát tiếng Anh về mẹ thời chiến và 46% trong lời các bài hat về mẹ trong tiếng Việt). Vị trí thứ hai và thư ba lần lượt trong hai ngôn ngữ là quá trình quan hệ và quá trình tinh thần. Đó là sự tương đồng về mặt số lượng. Khi xem xét quá trình vật chất được sử dụng khắc họa hình ảnh người mẹ trong hai ngôn ngữ, ta có thể đi đến kết luận rằng quá trình này trong lời bài hát của hai ngôn ngữ có một vài nét tương đồng. Động từ hiện thực hóa quá trình vật chất trong các bài hát tiếng Anh và tiếng Việt về mẹ trong thời chiến có thể chia làm ba nhóm: (i) một mô tả diễn biến của mọi thứ xung quanh, (ii) một mô tả sự tham gia của những người lính trong các trận chiến, và (iii) một mô tả trải nghiệm bên ngoài của những người mẹ.

Sự khác biệt đáng chú ý nhất giữa các mệnh đề vật chất được sử dụng trong hai ngôn ngữ là các động từ mô tả sự tham gia của các bà mẹ trong các trận chiến. Trong tiếng Anh, các bà mẹ bày tỏ sự không đồng tình với trận chiến ở Việt Nam cũng như việc con trai họ tham gia vào trận chiến. Tuy nhiên, trong tiếng Việt, có những mệnh đề mô tả sự tham gia trực tiếp của các bà mẹ trong trận chiến. Có hai cách để ủng hộ cuộc chiến từ các bà mẹ Việt Nam. Một số cố gắng sản xuất ngày càng nhiều để hỗ trợ tiền tuyến, số khác tham gia trực tiếp chiến đấu. Nói về quá trình tinh thần, loại quá trình này được sử dụng để thể hiện những suy nghĩ và cảm xúc bên trong của cả người mẹ và người lính. Bốn kiểu phụ của quá trình tinh thần được tìm thấy trong các bài hát của cả hai ngôn ngữ. Sự tương đương của các động từ loại này khá rõ ràng trong cả bài hát tiếng Anh và tiếng Việt. Quan sát về mệnh đề lời nói trong hai ngôn ngữ cho thấy rằng có sự xuất hiện của hai kiểu phụ của quá trình ngôn từ (hoạt động và ký hiệu) trong cả hai ngôn ngữ. Bàn về quá trình hành vi, loại quá trình này trong lời bài hát tiếng Anh và tiếng Việt góp phần mô tả quá trình thực hiện (kiểu phụ cận vật chất) và thiết lập quá trình ý thức (cận tinh thần) của người mẹ và người con. Một điểm tương đồng khác có thể nhận thấy là ngôn cảnh tình huống trong một số bài hát bằng cả hai ngôn ngữ. Trong những bài hát về chiến tranh bằng tiếng Anh, người đọc và người nghe chứng kiến ​​nỗi buồn của những người lính trong ngày lễ Giáng sinh khi họ không thể trở về nhà (Christmas in Vietnam - 1965, Merry Christmas from Vietnam - 1967). Ở các nước theo đạo Thiên chúa, Giáng sinh là một dịp quan trọng đối với họ giống như Tết ở Việt Nam. Cả hai đều là dịp thiêng liêng khi tất cả mọi người từ bất cứ nơi đâu trở về nhà để đoàn tụ với người thân trong gia đình. Vì vậy, trong một số ca khúc Việt Nam, người đọc còn có cơ hội cảm nhận được tình cảm của những người lính Việt Nam đối với quê hương và mẹ của họ (Xuân này con không về - 1960, Mùa xuân của mẹ - trước 1975).

### 6.1.2. Sự giống và khác nhau trong nguồn lực thức được sử dụng trong lời các bài hát tiếng Anh và tiếng Việt về mẹ trong thời chiến

Về số lượng, có thể kết luận rằng kiểu thức chiếm ưu thế ở cả hai ngôn ngữ là cú tuyên bố (81% ở tiếng Anh và 96% ở tiếng Việt). Ngoài ra, các loại thức nghi vấn và mệnh lệnh được sử dụng trong các bài hát tiếng Anh và tiếng Việt mặc dù tỷ lệ của hai loại thức này trong tiếng Anh cao hơn một chút so với tiếng Việt. Tuy nhiên, một điểm khác biệt đáng chú ý về số lượng là sự hiện diện của câu cảm thán. Không có kiểu thức cảm thán trong tiếng Anh trong khi hai trường hợp của loại tâm trạng này được tìm thấy trong các bài hát tiếng Việt. Chuyển sang các kiểu tình thái, kết quả cho thấy tình thái hóa thể hiện khả năng và tính thường xuyên được sử dụng trong lời bài hát của cả hai ngôn ngữ.

## **6.2. SỰ GIỐNG VÀ KHÁC NHAU TRONG NGUỒN LỰC CHUYỂN TÁC VÀ THỨC ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG LỜI CÁC BÀI HÁT TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT VỀ MẸ TRONG THỜI BÌNH**

### 6.2.1. Sự giống và khác nhau trong nguồn lực chuyển tác được sử dụng trong lời các bài hát tiếng Anh và tiếng Việt về mẹ trong thời bình

Trước hết, sự giống và khác nhau về số lượng quá trình giữa các bài hát trong hai ngôn ngữ sẽ được thể hiện qua Bảng 6.4.

**Bảng 6.4**

*So sánh số phần trăm các kiểu quá trình trong lời các bài hát tiếng Anh và tiếng Việt về mẹ trong thời bình*

****

Bảng 6.4 cho thấy quá trình vật chất và quan hệ chiếm tỷ lệ chính trong các loại quá trình mặc dù có sự khác biệt về thứ hạng giữa hai loại.

### 6.2.2. Sự giống và khác nhau trong nguồn lực thức được sử dụng trong lời các bài hát tiếng Anh và tiếng Việt về mẹ trong thời bình

Liên quan đến sự tương đồng giữa các loại kiểu thức được sử dụng trong lời các bài hát tiếng Anh và tiếng Việt, có ba điểm đáng chú ý. Thứ nhất, cả ba kiểu thức: tuyên bố, nghi vấn và mệnh lệnh đều xuất hiện trong lời bài hát của hai ngôn ngữ. Thứ hai, thức tuyên bố là kiểu chiếm ưu thế với tỷ lệ cao ở mỗi ngôn ngữ (97% tiếng Anh và 96% tiếng Việt). Thứ ba, thức tuyên bố trong cả hai ngôn ngữ đều được sử dụng để kể một câu chuyện về mẹ / con hoặc cung cấp thông tin về tình cảm giữa mẹ và con. Về sự khác biệt, trong tiếng Việt có hai loại thức nghi vấn trong khi tiếng Anh chỉ có một loại.

Sự tương đồng giữa kiểu tình thái trong hai ngôn ngữ là không đáng kể. Một điểm tương đồng nhỏ trong kiểu tình thái trong lời bài hát của hai ngôn ngữ là việc sử dụng tình thái hóa thể hiện khả năng. Tuy nhiên, nói về tần suất tình thái khả năng, có một sự khác biệt rõ ràng giữa các bài hát trong hai ngôn ngữ. Thứ nhất, 67 trường hợp tình thái khả năng được tìm thấy trong lời bài hát tiếng Anh trong khi con số này ở tiếng Việt là hai, một con số khá khiêm tốn. Mệnh đề tuyên bố ở trên là lời hứa của những người lính-những đứa trẻ đối với mẹ của chúng. Điểm khác biệt thứ hai rõ ràng nằm ở việc sử dụng tình thái bổn phận và tính thường xuyên. Mặc dù không nhiều nhưng tình thái bổn ohaanj xuất hiện 4 lần trong bài hát tiếng Anh nhưng trong bài hát tiếng Việt không ghi nhận trường hợp nào.

## 6.3. TIỂU KẾT

Sự giống nhau và khác nhau giữa nguồn lực chuyển tác và nguồn lực thức trong lời bài hát tiếng Anh và tiếng Việt về mẹ trong chiến tranh, giữa nguồn lực chuyển tác và nguồn lực thức trong lời bài hát tiếng Anh và tiếng Việt về mẹ trong hòa bình đã được trình bày trong chương này.

# CHƯƠNG 7

# NGUỒN LỰC CHUYỂN TÁC VÀ THỨC ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG LỜI CÁC BÀI HÁT VỀ MẸ TRONG THỜI CHIẾN VÀ THỜI BÌNH

# 7.1. SỰ GIỐNG VÀ KHÁC NHAU TRONG NGUỒN LỰC CHUYỂN TÁC VÀ THỨC ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG LỜI CÁC BÀI HÁT TIẾNG ANH VỀ MẸ TRONG THỜI CHIẾN VÀ THỜI BÌNH

## 7.1.1. Sự giống và khác nhau trong nguồn lực chuyển tác và thức được sử dụng trong lời bài tiếng Anh về mẹ trong thời chiến và thời bình

Về sự tương đồng trong các nguồn lực chuyển tác, thứ tự về mặt số lượng của các loại quá trình và chu cảnh trong các bài hát tiếng Anh về mẹ trong thời chiến và thời bình là giống nhau. Quá trình vật chất chiếm phần lớn trong các loại quá trình trong khi số lượng các chu cảnh định vị là cao nhất trong lời bài hát tiếng Anh về mẹ trong thời chiến và thời bình.

### 7.1.2. Sự khác nhau giữa nguồn lực chuyển tác và thức trong các ca khúc tiếng Anh về mẹ trong thời chiến và thời bình

Như đã nói ở trên, quá trình vật chất tạo nên phần chính của ca từ bài hát; do đó, sự khác biệt của các hành thể trong loại quá trình này sẽ được thảo luận. Ba loại hành thể được xem xét bao gồm người con, người mẹ và các hành thể khác. Có thể thấy tỷ lệ hành thể là người con trong mệnh đề vật chất trong lời bài hát về mẹ trong thời chiến trong tiếng Anh cao nhất (45%) trong khi vị trí này thuộc về hành thể là người mẹ trong lời bài hát tiếng Anh về mẹ trong thời bình (65%). Khảo sát kỹ cho thấy lý do tại sao tỷ lệ hành thể là người con cao nhất trong lời bài hát tiếng Anh về mẹ trong thời chiến. Đối với lời bài hát chiến tranh bằng tiếng Anh, 5 trong số đó là những bức thư người lính viết cho mẹ của họ, 3 trong số đó là lời của mẹ dành cho con của họ và những bài hát còn lại là lời tự sự của người sáng tác. Trong những bức thư mà các chiến sĩ viết cho mẹ, họ coi mẹ là trụ cột sức mạnh, là chỗ dựa cho những lúc khốn khó. Đó là lý do tại sao họ viết thư cho mẹ của họ để chia sẻ về những gì họ đang làm và những gì đang xảy ra với họ hoặc thậm chí làm sống lại những ký ức tuổi thơ. Một lý do nữa là trong những ca khúc là lời của người mẹ, ngoài những hoạt động mẹ tham gia, mẹ thường gợi lại những kỷ niệm ngọt ngào của con mình. Hai điểm trên giải thích số lượng lớn các quá trình vật chất được thực hiện bởi hành thể là người con.

## 7.2. SỰ GIỐNG VÀ KHÁC NHAU TRONG NGUỒN LỰC CHUYỂN TÁC VÀ THỨC ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG LỜI CÁC BÀI HÁT TIẾNG VIỆT VỀ MẸ TRONG THỜI CHIẾN VÀ THỜI BÌNH

## 7.2.1. . Sự giống và khác nhau trong nguồn lực chuyển tác và thức được sử dụng trong lời bài tiếng Việt về mẹ trong thời chiến và thời bình

Về nguồn lực chuyển tác, ba đặc điểm nổi bật giống nhau giữa lời bài hát chiến tranh và hòa bình Việt Nam bao gồm: (i) Mệnh đề quan hệ và vật chất chiếm phần lớn trong lời bài hát; (ii) Hành thể chính trong các mệnh đề trọng yếu là “mẹ”; (iii) Chu cảnh định vị chiếm tỉ lệ cao nhất.

### 7.2.2. Sự khác nhau giữa nguồn lực chuyển tác và thức trong các ca khúc tiếng Việt về mẹ trong thời chiến và thời bình

Mặc dù mệnh đề vật chất và quan hệ chiếm phần lớn trong lời bài hát tiếng Việt cả thời chiến và thời bình, nhưng cấp bậc của hai loại quá trình trong lời bài hát thời chiến và thời bình là khác nhau. Cụ thể hơn, quá trình vật chất đứng đầu trong các ca khúc thời chiến và số lượng loại quá trình này nhiều gấp đôi so với quá trình quan hệ. Trong khi đó, quá trình quan hệ chiếm tỷ trọng lớn nhất trong lời bài hát về mẹ trong thời bình ở tiếng Việt và sự khác biệt về lượng giữa quá trình vật chất và quan hệ là không đáng kể (quan hệ: 35%, vật chất: 32%). Như đã nói ở trên trong các chương trước, sự tham gia trực tiếp của các bà mẹ trong trận chiến hợp lý hóa hiện tượng này trong lời bài hát về mẹ trong thời chiến ở tiếng Viêt.

**Bảng 7.9**

*Số lượng chủ thể trong mệnh đề quan hệ trong lời bài hát tiếng Việt về mẹ trong thời bình*



Có thể thấy trong bảng, tỷ lệ chủ thể là mẹ đứng thứ hai sau các loại chủ thể khác. Tuy nhiên, việc phân tích kỹ lưỡng cho thấy trong các mệnh đề có chủ thể là con hay những chủ thher khác, miền hoặc thuộc tính là “mẹ” (mẹ).

## 7.3. TIỂU KẾT

Chương này đã so sánh giữa các bài hát về mẹ trong thời chiến trong tiếng Anh và các bài hát thời bình trong tiếng Anh cũng như giữa các bài hát về mẹ trong thời chiến trong tiếng Việt và các bài hát thời bình về mẹ trong tiếng Việt.

# CHƯƠNG 8

# THẢO LUẬN

## 8.1. HÌNH ẢNH NGƯỜI MẸ TRONG LỜI CÁC BÀI HÁT TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT VỀ MẸ TRONG THỜI CHIẾN

Trước tiên, chúng tôi sẽ bàn đến hình ảnh người mẹ trong các bài hát chiến tranh bằng tiếng Anh. Từ thảo luận ở các trang trước, có thể kết luận rằng hình ảnh người mẹ trong các bài hát chiến tranh của Anh được chọn lọc lại với ba đặc điểm nổi bật. Thứ nhất, những người mẹ được thể hiện như một trụ cột sức mạnh và chỗ dựa tinh thần cho những người lính mỗi khi họ gặp khó khăn hoặc rơi vào hoàn cảnh éo le. Thứ hai, trái tim của những người mẹ luôn hướng về những người lính của họ trong trận chiến. Thứ ba, tình yêu của họ dành cho những người con được thể hiện qua việc họ phản đối cuộc chiến mà con cái họ bị buộc phải tham gia. Tiếp theo, chúng tôi sẽ khái quát hình ảnh người mẹ trong các ca khúc chiến tranh Việt Nam. Phần thảo luận ở phần trước cho thấy hình ảnh người mẹ Việt Nam trong thời chiến với ba đặc điểm nổi bật. Khác với người mẹ trong các bài hát về chiến tranh bằng tiếng Anh, người mẹ trong các bài hát Việt Nam được khắc họa bởi sự cống hiến to lớn đối với đất nước. Thứ hai, giống như những người mẹ trong những bài hát chiến tranh bằng tiếng Anh, những người mẹ Việt Nam ở lại hậu phương ngày đêm mong ngóng tin tức của con mình. Cuối cùng, những người mẹ được coi là biểu tượng của sự hy sinh anh dũng và động lực chiến đấu mạnh mẽ của những người lính trong chiến tranh.

## 8.2. HÌNH ẢNH NGƯỜI MẸ TRONG LỜI CÁC BÀI HÁT TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT VỀ MẸ TRONG THỜI BÌNH

Phần thảo luận đầu tiên sẽ tập trung vào hình ảnh người mẹ trong các bài hát tiếng Anh trong thời bình. Sự phân tích về hệ thống Chuyển tác cũng như Thức và tình thái cho thấy hai đặc điểm chính của các bà mẹ trong các bài hát tiếng Anh về hòa bình. Thứ nhất, họ là những người mẹ tận tâm chăm sóc con cái cả về thể chất lẫn tinh thần. Thứ hai, những người mẹ là một phần không thể thiếu trong cuộc sống của những người lính- những đứa con. Phần thảo luận tiếp theo sẽ xoay quanh hình ảnh người mẹ trong các bài hát thời bình trong tiếng Việt. Việc phân tích hệ thống chuyển tác trong các bài hát Việt Nam cung cấp minh chứng ngôn ngữ để tác giả đi đến kết luận về một số đặc điểm nổi bật của người mẹ Việt Nam trong thời bình. Trước hết, những người mẹ Việt Nam đã dành cả tuổi thanh xuân và cuộc đời của mình để nuôi nấng con cái nên người. Ở vị trí thứ hai, giống như những người mẹ trong các bài hát tiếng Anh, những người mẹ Việt Nam đóng một vai trò đặc biệt trong trái tim của mỗi đứa con.

## 8.3. TIỂU KẾT

Tóm lại, mặc dù tất cả các bà mẹ đều dành tình yêu thương vô điều kiện cho con cái của họ, nhưng trong những bối cảnh khác nhau và ngôn ngữ khác nhau, họ được miêu tả theo những cách khác nhau.

# CHƯƠNG 9

# KẾT LUẬN

## 9.1. TÓM TẮT

### 9.1.1. Nguồn lực thuộc về nghĩa kinh nghiệm và liên nhân để minh họa hình ảnh người mẹ trong lời các bài hát tiếng Anh và tiếng Việt về mẹ trong thời chiến

Thứ nhất, tất cả sáu loại quá trình đều được sử dụng trong các bài hát của cả hai ngôn ngữ, trong đó quá trình vật chất, quan hệ và tinh thần tạo thành phần chính của các bài hát trong cả hai ngôn ngữ. Tuy nhiên, có thể tìm thấy một số khác biệt trong việc sử dụng các nguồn lực chuyển tác trong lời bài hát tiếng Anh và tiếng Việt. Mặc dù tất cả sáu loại quá trình đều được tìm thấy trong lời bài hát, nhưng số lượng các loại quá trình phụ của mỗi loại là không giống nhau. Sự khác biệt đáng chú ý nhất là trọng tâm miêu tả của quá trình vật chất trong mỗi ngôn ngữ. Mệnh đề vật chất trong tiếng Anh chủ yếu miêu tả sự tham gia của những người lính trong chiến tranh trong khi mệnh đề vật chất trong tiếng Việt chủ yếu miêu tả hình ảnh người mẹ trực tiếp tham gia chiến tranh để bảo vệ con cái, những người lính và đất nước của họ. Xét về thức và tình thái trong các bài hát chiến tranh bằng tiếng Anh và tiếng Việt, có thể thấy rõ cả những điểm giống và khác nhau trong lời bài hát của hai ngôn ngữ. Đối với các loại thức, thức tuyên bố chiếm tỷ lệ phần trăm cao nhất trong tất cả các kiểu thức trong cả hai ngôn ngữ.

### 9.1.2. Nguồn lực thuộc về nghĩa kinh nghiệm và liên nhân để minh họa hình ảnh người mẹ trong lời các bài hát tiếng Anh và tiếng Việt về mẹ trong thời bình

Nghiên cứu một cách kĩ lưỡng cho thấy có những điểm tương đồng đáng kể trong các bài hát tiếng Anh và tiếng Việt về mẹ trong thời bình. Cụ thể, ba loại quá trình chủ đạo trong các bài hát tiếng Anh và tiếng Việt về mẹ trong thời bình là vật chất, quan hệ và tinh thần. Ba loại quá trình tập trung vào việc mô tả sự hy sinh của các bà mẹ dành cho con cái của họ. Đáng chú ý, rất nhiều hình ảnh giống nhau được so sánh với hình ảnh người mẹ được tìm thấy trong cả hai bài hát thông qua các mệnh đề quan hệ. Liên quan đến các kiểu thức, giống như trong các bài hát chiến tranh trong tiếng Anh và tiếng Việt, kiểu thức tuyên bố là kiểu chủ đạo trong cả hai ngôn ngữ. Tuy nhiên, trong tiếng Việt, mặc dù số lượng mệnh đề nghi vấn và cảm thán còn khiêm tốn nhưng chúng vẫn góp phần đáng kể vào nội dung bài hát. Đó là bởi vì chúng giúp các nhân vật trong bài hát thể hiện sự băn khoăn cũng như nội tâm và cảm xúc của họ. Về tình thái, một lần nữa, giống như trong các bài hát chiến tranh trong tiếng Anh, các tác giả trong các bài hát thời bình trong tiếng Anh sử dụng rất nhiều biểu đạt tình thái trong quá trình tương tác giữa bà mẹ và trẻ em.

## 9.2. HẠN CHẾ CỦA NGHIÊN CỨU

Trước tiên, hai nét nghĩa của siêu chức (nghĩa kinh nghiệm và liên nhân) đã được nghiên cứu trong khi siêu chức năng thứ ba nghĩa ngôn bản chưa được thảo luận. Thứ hai, lời bài hát trong các bài hát về chiến tranh và hòa bình bằng tiếng Anh và tiếng Việt được tìm hiểu ở cấp độ các mệnh đề. Do đó, các tầng khác nhau Trên, Dưới hoặc Ngoài Mệnh đề có thể được tìm hiểu để có cái nhìn sâu sắc hơn về hình ảnh người mẹ trong lời bài hát chiến tranh và hòa bình bằng tiếng Anh và tiếng Việt.

## 9.3. ĐỀ XUẤT VÀ NGHIÊN CỨU TRONG TƯƠNG LAI

Nghiên cứu giải quyết hai nét nghĩa trong siêu chức năng của mệnh đề đơn trong lời bài hát tiếng Anh và tiếng Việt. Có những tầng khác chưa được miêu tả, có thể trở thành vấn đề cần nghiên cứu trong tương lai.

Do hạn chế về thời gian và kỹ thuật, việc lựa chọn các bài hát bằng hai thứ tiếng được thực hiện với số lượng vừa đủ với các tiêu chí nhất định. Để có một cái nhìn toàn diện hơn về hình ảnh người mẹ bằng cả hai ngôn ngữ, số lượng bài hát lớn hơn và các khía cạnh khác nhau của ngôn ngữ chức năng hệ thống cần được khai thác.

# TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Adar Ben - Eliyahu. (2014). *Understanding different types of research:  
   What’s the difference between qualitative and quantitative approaches?.* Retrieved from <https://www.evidencebasedmentoring.org/on-methods-whats-the-difference-between-qualitative-and-quantitative-approaches/>
2. Amalia Istiqomah. (2011). *“A Systemic Functional Linguistics analysis on the passionate love song lyrics”*. Retrieved from <http://repository.unej.ac.id/bitstream/handle/123456789/10022/Amalia%20Istiqomah%20(2)_1.pdf?sequence=1>
3. Anna Kusnierek. (2016). *The role of music and songs in teaching English vocabulary to students.* World Scientific News: WSN 43(1) 2016 (1-55).
4. Bang, J.Y. (2020). *Hình tượng người phụ nữ mới trong một số tác phẩm tiêu biểu của tự lực văn đoàn và văn học Hàn Quốc thời Nhật thuộc.* [Doctoral dissertation, Hanoi National University of Education]. Hanoi National University of Education.
5. Booth, M.W. (2009). The art of words in songs*. Quarterly Journal of Speech, 62,* 242-249. <https://doi.org/10.1080/00335637609383338>.
6. Bradshaw, I. (1998). *Figures of speech.* Retrieved from <http://theologue.wordpress.com/tag/figures-of-speech/>
7. Bui, T.N. (2004). *Khảo sát các động từ tình thái trong tiếng Việt.* [Doctoral dissertation, University of Social Sciences and Humanities]. Hanoi.
8. Carter, R. & Nash, W. (1990). *Seeing through language: a guide to styles of English writing*. London: Basil Blackwell.
9. Chowdhury, R.(2019). Embarking on Research in the Social Sciences: Understanding Foundational Concepts. *VNU Journal of Foreign Studies, 35 (1),* 99-113. https://doi.org/10.25073/2525-2445/vnufs.4340.
10. Clough, P. & Nutbrown, C. (2012). *A student’s guide to Methodology*. SAGE Publications.
11. Creswell, J.W. (2014). *Research design in qualitative, quantitative and mixed methods.* SAGE publications.
12. Cu, D.T. (1953). *Phong cách học và đặc điểm từ vựng Tiếng Việt.* NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp: Hà Nội.
13. Denzin, N.K & Lincoln, V.S. (2005). *Introduction: The discipline and Practice of Qualitative Research*. SAGE Publications.
14. Diep, Q.B. (2005). *Ngữ pháp tiếng Việt*. Hà Nội: Nhà xuất bản giáo dục.
15. Do, T.M. (2007). *Thematic structure in English and Vietnmaese – A comparative study from the systemic functional perspective.* [Doctoral dissertation, College of Foreign Universities]. National Library of Vietnam Publishing.
16. Downing, A. and Locke, P. (1992). *A University Course in English Grammar.* UK: Prentice Hall.
17. Duovskiy, J. (2013). *Research Approach.* Retrieved from <https://research-methodology.net/research-methodology/research-approach/>
18. Eggins, S.(1994). *An Introduction to Systemic Functional Linguistics*. London: Pinter Publishers Ltd.
19. Ethridge, D.E. (2004). *“Research Methodology in Applied Economics”*. Blackwell Publishing.
20. Fries, P.H. (1995). *Discourse in Society: Systemic Functional Perspective*. *In P. Fried & M.Gregory (Eds.)*, Patterns of Information in Initial Position in English. Norwood, New Jersy: Ablex Publishing Corporation.
21. Gardner, H. (1983). *Music intelligence*. Harward University: USA.
22. Gerot, L. & Wignell, P. (1994). *Making Sense of Functional Grammar*. Antipodean Educational Enterprises: Sydney.
23. Glass, G. V., & Hopkins, K. D. (1984). *Statistical methods in education and psychology*. Englewood Cliffs, NJ: Prenctice Hall.
24. Greene, J. C. (2007). *Mixed methods in social inquiry*. San Francisco: Jossey-Bass.
25. Halliday, M.A.K. & Hasan, R. (1985). *Language, Context, and text: Aspects of Language in a Social-semiotic Perspective*. Victoria: Deakin University Press.
26. Halliday, M.A.K. & Martin, J. R. (1993). *Writing Science*. London & Washington DC: The Falmer Press.
27. Halliday, M.A.K. & Matthiessen, C. M. I. M. (1999). *Construing Experience through Meaning: A Language-based Approach to Cognition.* London & New York: Cassell.
28. Halliday, M.A.K. & Matthiessen, C. M. I. M. (2004). *An Introduction to Functional Grammar*. London E. Arnold.
29. Halliday, M.A.K. & Matthiessen, C. M. I. M. (2014). *Halliday’s Introduction to functional grammar* (4th ed.). University of Birmingham, UK.
30. Halliday, M.A.K. (1973). *Explorations in the Functions of Language*. London: Arnold.
31. Halliday, M.A.K. (1978). *Language as Social Semiotic: The Interpretation of Language and Meaning.* London: Edward Arnold.
32. Halliday, M.A.K. (1991). The Notion of Context in Language Education. In Thao Le & McCausland (Eds.) *Language Education: Interaction and Development* (pp. 1-25). Proceedings of International Conferences Held in Ho Chi Minh City, 30 March – 1 April, 1991. Launceston: University of Tasmania.
33. Halliday, M.A.K. (1992). Systemic Theory. In *The Encyclopedia of Language and Linguistics.* London: Pergamon Press.
34. Halliday, M.A.K. (1994). *An introduction of functional grammar.* Second Edition. London: Edward Arnold.
35. Halliday, M.A.K. (1996). On Grammar and Grammatics. In Hasan, R., C. Cloran & D.G. Butt (Eds.), *Functional Description: Theory and Practice*. Amsterdam: Benjamins.
36. Nguyen, T.H. (2012). International Journal of English Linguistics. *Transitivity Analysis of “Heroic mother” by Hoa Pham, 2(4),* 85-100. Retrieved from https://www.ccsenet.org/journal/index.php/ijel/article/view/17916.
37. Hoang, V.V. (1997). *An Experiential Grammar of the Vietnamese Clause: A Functional Description*. [Doctoral disseration, Macquarie University]. Department of Linguistics, Macquarie University, Sydney, Australia.
38. Hoang, V.V. (2006). *Introducing Discourse Analysis.* Hanoi: Vietnam Educational Publishing House Co., Ltd.
39. Hoang, V.V. (2019). An Interpersonal Analysis of a Vietnamese Middle School Science Textbook. In *Discourses in Southeast Asia. The M.A.K. Halliday Library Functional Linguistics Series*, pp. 129-144. Rajandran, K. and Manan, S. (eds.). Sringer Nature Singapore Pte Ltd. https://doi.org/10.1007/978-981-13-9883\_7
40. Hoang, V.V. (2020). The Language of Vietnamese School Science Textbooks: A Transitivity Analysis of Seven Lessons (Texts) of Biology 8. *Linguisics and the Human Sciences*. LHS VOL 14-1-2, 1-35. https://doi.org/10.1558/lhs.31751
41. Hoang, V.V. (2005). *Ngữ pháp kinh nghiệm của cú tiếng Việt: Mô tả theo quan điểm chức năng hệ thống.* Science and Society Publishing house.
42. Hoang, V.V. (2012). *An Experiential Grammar of the Vietnamese Clause.* Vietnam Education Publishing House Limited Company.
43. Johnson, R. B., & Onwuegbuzie, A. J. (2004), Mixed methods research: A research paradigm whose time has come. *Educational Researcher*, 33, 14-16
44. Kachru, B. (1985). *"Standards, Codification and Sociolinguistic Realism: The English Language in the Outer Circle". In R. Quirk and H.Widowson (Eds),* English in the world: Teaching and learning the language and literatured (p11-36). Cambridge University Press.
45. Kaplan, R.B. (1966). *Cultural thought patterns in Inter-cultural education*. Blackwell Publishers.
46. Karen. (2009). *Teaching foreign languages through songs*. Edinburgh: University of Edinburgh.
47. Kothari. (2004). *Research methodology methods and techniques.* New Age International.
48. Lakoff & Johnson. (1920). *Metaphor we live by.* John Benjamins.
49. Leech.N.L. (1969). *A linguistic Guide to English Poetry*. London: Longman Ltd.
50. Leedy, P. D. (1993). *Practical research: planning and design*. New Jersey: Prentice-Hall.
51. Martin, J.R. (1985). Process and Text: Two Aspects of Human Semiosis. *Systemic Perspectives on Discourse: Selected Theoretical Papers from the 9th International Congress*. Vol.1. Benson, J.D. & W.S. Greaves (Eds.). Norwood, NJ: Ablex: 248-274.
52. Martin, J.R. (1992). *English Text: System and Structure*. John Bnejamins Publishing Company.
53. Martin, J.R., Matthiessen, C.M.I.M., & C. Painter. (1997). *Working with Functional Grammar*. Arnold.
54. Matthiessen, C. (2010). Systemic functional linguistics developing. *Annual Review of Functional Linguistics,* 2, 8-63.
55. Matthiessen, C.M.I.M. (1995). *Lexicogrammatical Cartography: English Systems*. Tokyo: International Language Science Publishers.
56. Mills, M., Bunt, G.G., & Bruijn, J. (2006, September 1). *Comparative Research: Persistent Problem and Promising Solutions*. Retrieved from https://journals.sagepub.com/doi/10.1177/0268580906067833
57. Ngo, D. P. (2007). *Hợp phần nghĩa liên nhân của câu trong ngữ pháp chức năng hệ thống.* Vietnam National University Press, Hanoi.
58. Ngo, T. N. (2001). *Một số phương tiện biểu hiện nghĩa tình thái trong câu ghép tiếng Việt.* [Doctoral dissertation, University of Social Sciences and Humanities]. Hanoi.
59. Nguyen, H. (2004). *Understanding English semantics.* VNU Publishing house.
60. Nguyen, H. L. (2016). *Vietnamese women’s representation in TV commercials related to lunar new year: a critical discourse analysis.* [Master’s thesis, University of Languages and International Studies]. University of Languages and International Studies.
61. Nguyen, K. L. (2019). A contrast of modes expressing interpersonal meaning in English-Vietnamese patient information leaflets (applying the theory of Systemic Functional Linguistics). [Doctoral dissertation, University of Social Sciences and Humanities]. University of Social Sciences and Humanities.
62. Nguyen, T. M. T. (2013). *Logico-semantic Relationship in English and Vietnamese Clause Complexes*. [Doctoral dissertation, University of Languages and International Studies]. University of Languages and International Studies.
63. Nguyen, T.Q.H. (2018). *Đặc điểm ngôn ngữ của các văn bản thuyết minh bảo tàng trong tiếng Anh và tiếng Việt từ quan điểm ngôn ngữ học chức năng hệ thống.* [Doctoral dissertation, Graduate Academy of Social Sciences]. Vietnam Academy of Social Sciences.
64. Nunan, D. (1992). *Introducing Discourse Analysis*. Penguin: London.
65. O’Donnell, M. (2012). *Introduction to Systemic Functional Linguistics for Discourse Analysis.* Language, Function and Congnition, pp. 1-8.
66. Ratih Wulan Sari. (2009). *A comparative study of ideational meaning between the love song lyrics written by the most popular American song writers in 1990s and indonesian song writers in 2000s (a study based on systemic functional linguistics)*. Retrieved from <https://digilib.uns.ac.id/dokumen/detail/11105/A-comparative-study-of-ideational-meaning-between-the-love-song-lyrics-written-by-the-most-popular-american-song-writers-in-1990s-and-indonesian-song-writers-in-2000s-a-study-based-on-systemic-functional-linguist>
67. Ropke, N. (2006). *Representing motherhood: images of mothers in contemporary young adult literature.* GRIN Verlag.
68. Rowiatun Amri Marhamah. (2014). *Interpersonal meaning analysis of Muse song lyrics in Black Holes & Relevation’s album (A study based on Systemic Functional Linguistics).* Retrieved from <https://core.ac.uk/download/pdf/33513175.pdf>
69. Saeed. (2003). *Semantics.* Blackwell publisher.
70. Suharsimi Arikunto. (1998). *Prosedur Penelitian: Suatu Pendekatan Praktek*. Retrieved from <http://digilib.uinsby.ac.id/13313/5/Bab%203.pdf>
71. Swales, J. (1990). *Genre analysis. English in academic and research settings.* Cambridge: Cambridge University Press.
72. Ta, T. T. H. (2016). *“Mother image in English and Vietnamese songs – a literary analysis using transitivity system in Systemic Functional Linguistics perspective”*. [Master’s Thesis, University of Languages and Internaional Studies]. University of Languages and International Studies.
73. Tanjim, T. (2016). *Portrayal of motherhood by female authors in American literature in the light of The Awakening, Herland and The Narrow House.* [Master’s thesis, BRAC University]. BRAC University.
74. Taylor, S. (1985). Tracing the Origins of U.S. Involvement in Vietnam. *OAH Magazine of History,* *1*(1), 19-23. Retrieved from http://www.jstor.org/stable/25162449
75. Teng. Y. C. (2013). *Analysis of songs and rhymes in children English text books.* Retrieved from [www.naer.edu.tw/ezfiles/0/1000/img/18/100-09.pdf](http://www.naer.edu.tw/ezfiles/0/1000/img/18/100-09.pdf)
76. Thai, M.D. (1998). *A Systemic Functional Interpretation of Vietnamese Grammar.* [Dotoral dissertation, Macquarie University]. Department of Linguistics, Macquarie University, Sydney Australia.
77. Thai, M. D. (2004). *Metafunctional profile of of the grammar of Vietnamese.* John Benjamins Publishing Company.
78. Thompson, G (1996). *Introducing Functional Grammar*. New York, NY: ST. Martin’s Press, Inc.
79. Vo, D. Q. (2005). *Semantics.* Culture Information Publishing House.
80. Zahro, M.(2010). *The use of song lyrics to improve the students’ vocabulary of verb.* [Master’s thesis, Walisongo State Institute for Islamic Studies Semarang]. Walisongo State Institute for Islamic Studies Semarang.
81. Smelser, N.J. (2013). *Comparative Methods in the Social Sciences.* USA: Quid Pro Books.
82. Holt, R.T., & Turner, J.E. (1970). *The Methodology of Comparative Research: A Sypnosium from the Center for Comparative Studies in Technological Development and Social Change and the Department of Political Science.* University of Minnesota.
83. Lijphart, A. (1971). Comparative Politics and Comparative Method*. The American Political Science Review, 65*(3), 682-693. <https://doi.org/10.2307/1955513>
84. Smelser, N.J. (1973). The methodology of comparative analysis. In Warwick, D. & Osherson, S. (Eds.), *Comparative Research Methods* (45-52). Prentice Hall.
85. Ragin, C.C. (1987). *The comparative method: Moving beyond Qualitative and Quantitative Strategies.* Berkeley, CA: University of California Press.
86. Ragin, C.C. & Rubinson, C. (2009). The disinctiveness of comparative research. In Landman, T. & Robinson, N, *The SAGE handbook of comparative politics*. SAGE publications.
87. Mills, M.,Van de Bunt, G.G., & De Bruijin, J. (2006). Comparative research: Persistent problems and promising solutions. *International Sociology, 21*(5). 619-631.
88. Lor, P. J. (2011). *International and Comparative Librarianship.* Walter de Gruyter GmbH & Co KG.
89. Azarian, R. (2015). Potentials and Limitations of Comparative Method in Social Science. *International Journal of Humanities and Social Science, 1*(4), 113-125.
90. Sa’ei, A. (2013). Comparative research method: Quantitative, historical and fuzzy analysis. *Journal of Social Sciences, 12*(2), 10-50.
91. Cordeiro, C.M. (2018). Using systemic functional linguistics as method in identifying semogenic strategie in intercultural communication: A study of the collocation of “time” and “different” by Swedish managers with international management experiences. *Journal of Intercultural Communication Research, 47* (3), 207-225.
92. Garcia Montes, P.A., Sarge Barboza, A.M., & Lacharmes Olascoaga, A.I. (2014). Systemic functional linguistics and discourse analysis as alternatives when dealing with texts. *PROFILE Issues in Teachers’ Professional Development, 16* (2), 101-106.
93. Herawati, A. (2010). Systemic Functional Linguistics as a basic theory in translating English wordplays. *HUMANORA, 1*(2), 327-379.
94. Sha, L. & Feifei, Y. (2021). The Application of Systemic Functional Linguistics in Literary Text Teaching, *Sino-US English Teaching, 1*(18), 1-7.
95. Hoang, V.V. (2021). “Metafunctions of Language” in Systemic Functional Linguistics: A Framework for the Interpretation of Meaning of Text in Social Context. *VNU Journal of Foreign Studies, 37*(4), 1-25. **DOI:** <https://doi.org/10.25073/2525-2445/vnufs.4750>